

Bản án số: 70/2026/DS-ST

Ngày: 25 – 02 – 2026

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thái Minh Ngọc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Long Khánh**

2. Ông **Lý Hồng Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Võ Tường Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 902/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc *“Tranh chấp đòi lại tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Minh H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 1, tổ E, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Hùng P, sinh năm 1982

Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 12 năm 2025

Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số B, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2025 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết và trước đó vào năm 2020 bà Nguyễn Hồng T có mượn tiền của con nguyên đơn là bà Trần Thị Minh T1 nên khi bà T hỏi mượn tiền để kinh

doanh quán C trên đường T, thành phố Cần Thơ thì nguyên đơn đồng ý. Nguyên đơn đã cho bà T mượn số tiền 120.000.000 đồng theo giấy mượn tiền mặt ngày 10 tháng 11 năm 2021.

Đến tháng 8 năm 2022 thì bà T nghỉ bán quán cơm nhưng không trả lại số tiền đã mượn cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà T không trả tiền mà thách thức nguyên đơn đi thưa. Nguyên đơn đã làm đơn thưa bà T đến Ban N và Công an khu vực P1. Ngày 21 tháng 11 năm 2025 Tổ hòa giải khu vực P mời hai bên đến để lập biên bản hòa giải cơ sở nhưng kết quả hòa giải không thành.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Hồng T trả cho nguyên đơn số tiền đã mượn 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Hồng T trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Hồng T đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2025 và giấy mượn tiền mặt ngày 10 tháng 11 năm 2021 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo giấy mượn tiền, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố Cần

Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 120.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Giấy mượn tiền ngày 10 tháng 11 năm 2021 thể hiện nội dung bà Nguyễn Hồng T có mượn của ông Trương Minh H số tiền mặt 120.000.000 đồng, khi nào ông H cần sẽ trả đủ lại ngay, biên nhận thể hiện chữ ký của bà Nguyễn Hồng T. Như vậy, bà T có mượn số tiền 120.000.000 đồng của ông H là có thật.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập để thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Bị đơn không trả tiền theo đúng thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 120.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do nguyên đơn không yêu cầu buộc bị đơn trả lãi nên không xem xét giải quyết.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn bà Nguyễn Hồng T sinh năm 1966 tính đến thời điểm xét xử vụ án là 60 tuổi, thuộc trường hợp là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà T vắng mặt, không có đơn xin miễn án phí nên không đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, bị đơn bà Nguyễn Hồng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền 6.000.000 đồng.

Nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- + Điều 463, Điều 466, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- + Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Hồng T trả cho nguyên đơn ông Trương Minh H số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn).

Nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSNDKV3-CT;
- Phòng THADSKV3-CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thái Minh Ngọc